Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3207.20.10

Mã HS	3207.20.10
Mô tả hàng hóa	Thuốc màu đã pha chế, các chất cản quang đã pha chế và các loại màu đã pha chế, các chất men kính và men sứ, men sành (slips), các chất láng bóng dạng lỏng và các chế phẩm tương tự, loại dùng trong công nghiệp gốm sứ, tráng men hoặc thủy tinh; frit thủy tinh và thủy tinh khác, ở dạng bột, hạt hoặc vẩy / - Men kính và men sứ, men sành (slips) và các chế phẩm tương tự: / - - Frit men (phối liệu men) (SEN)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 07:00:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32072010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4845
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4845
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4845
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4733
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4694
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4694
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4694
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4694
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4694
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4694
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4732
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4732
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4732
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4732

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4732
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4732
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4736
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4736
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4736
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4736
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4736
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4736
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4736
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4700
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4696
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4696
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4696
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4696
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4696
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4696
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4696
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4696
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4696
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4696
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4696
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4696
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4743
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4743
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4743
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4743
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4743
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4740
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4740
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4740
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4740
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4740
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4740
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4748
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4748
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4748
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4748
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4748
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4748
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4719
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4719
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4719
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4719
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4719
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4719
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4721
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4721
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4721
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4721
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4721
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4721

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4719
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4719
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4719
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4719
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4719
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4719
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4719
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4740
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4740
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4740
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4740
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4740
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4740
RCEP B	2022	2022	0	B!D4740
RCEP B	2023	2023	0	B!E4740
RCEP B	2024	2024	0	B!F4740
RCEP B	2025	2025	0	B!G4740
RCEP B	2026	2026	0	B!H4740
RCEP B	2027	2027	0	B!I4740
RCEP C	2022	2022	0	C!D4740
RCEP C	2023	2023	0	C!E4740
RCEP C	2024	2024	0	C!F4740
RCEP C	2025	2025	0	C!G4740
RCEP C	2026	2026	0	C!H4740
RCEP C	2027	2027	0	C!I4740
RCEP D	2022	2022	0	D!D4740

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4740
RCEP D	2024	2024	0	D!F4740
RCEP D	2025	2025	0	D!G4740
RCEP D	2026	2026	0	D!H4740
RCEP D	2027	2027	0	D!I4740
RCEP E	2022	2022	0	E!D4743
RCEP E	2023	2023	0	E!E4743
RCEP E	2024	2024	0	E!F4743
RCEP E	2025	2025	0	E!G4743
RCEP E	2026	2026	0	E!H4743
RCEP E	2027	2027	0	E!I4743
RCEP F	2022	2022	0	F!D4740
RCEP F	2023	2023	0	F!E4740
RCEP F	2024	2024	0	F!F4740
RCEP F	2025	2025	0	F!G4740
RCEP F	2026	2026	0	F!H4740
RCEP F	2027	2027	0	F!I4740
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4370
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4370
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4370
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4370

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3207.20 có 2 dòng thuế; dòng 3207.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Frit men (phối liệu men) (SEN).	3207.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3207.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3207.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4845), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.